TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2018
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị H – anh H1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Huề
2. Bà Phạm Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh phụ .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2017/TLST- HNGĐ ngày 21/11/2017 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1990

ĐKNKTT: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình
Nơi ở: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình
Bị đơn: Anh Bùi Trung H1, sinh năm 1985
ĐKNKTT: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình
(*Tại phiên tòa có mặt chị H, anh H1).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 09/10/2017; bản tự khai ngày 01/12/2017, và tại phiên tòa Chị Bùi Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Bùi Trung H1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2014 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống được một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, từ đó đến nay mâu thuẫn càng ngày càng nghiêm trọng dẫn đến hạnh phúc gia đình không có và không thể chung sống với nhau được nữa. Đỉnh điểm mâu thuẫn là vào ngày 07/8/2017 anh H1 đã viết đơn ly hôn và yêu cầu chị ký vào đơn ly hôn. Do mâu thuẫn không thể hòa giải được nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 07/8/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Trung Đức D, sinh ngày 03/9/2016, ly hôn chị xin nhận nuôi con và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 01/12 /2017 và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Trung H1 trình bày: Về hoàn cảnh và điều kiện đăng ký kết hôn như chị H khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến tháng 8/2017 anh có nặng lời với chị H và chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã Q sinh sống, anh đã đến xin lỗi nhiều lần nhưng chị H vẫn không đồng ý, anh có vào nhà tìm nhưng bố mẹ đẻ chị H đuổi không cho vào, chính quyền địa phương cũng có làm công tác hòa giải nhưng đều không có kết quả, anh không muốn bỏ vợ con, bản thân anh nghĩ cuộc sống vợ chồng không thể tránh khỏi sự hiểu lầm về nhau, anh không muốn con mình thiếu thốn tình cảm của bố hoặc mẹ, cho đến bây giờ anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái, còn nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Trung Đức D, sinh ngày 03/9/2016, nếu ly hôn anh đồng ý giao con chung là cháu Bùi Trung Đức D, sinh ngày 03/9/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị H được ly hôn anh H1; Về quan hệ con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị H, anh H1: Giao con chung cháu Bùi Trung Đức D, sinh ngày 03/9/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng tính từ tháng 01/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Bùi Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Bùi Trung H1, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ.

Về hôn nhân: Kết quả điều tra thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Bùi Trung H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà

thuận được thời gian ngắn thì mâu thuẫn phát sinh, lý do vợ chồng sống với nhau không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, mâu thuẫn càng ngày càng nghiêm trọng dẫn đến hạnh phúc gia đình không có, chị H đã sống ly thân với anh H1 từ ngày 07/8/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh H1, quan điểm của anh H1 là mong muốn vợ, chồng đoàn tụ nhưng anh H1 không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay anh H1 cho rằng nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận ly hôn. Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Q ngày 08/01/2018 thể hiện: Tình cảm giữa chị H và anh H1 không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Điều này chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị H, anh H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống với nhau được nữa. Do vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về con chung: Chị H, anh H1 có 01 con chung là cháu Bùi Trung Đức D, sinh ngày 03/9/2016. Tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh H1 đều thỏa thuận: Giao con chung là cháu Bùi Trung Đức D, sinh ngày 03/9/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H1 nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H, anh H1, giao con chung Bùi Trung Đức D, sinh ngày 03/9/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 có quyền thăm nom con chung là phù hợp với các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tài sản chung, riêng và nợ: Chị H, anh H1 không có tài sản chung, riêng, nợ và không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83; khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn anh Bùi Trung H1.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị H, anh H1: Giao con chung Bùi Trung Đức D, sinh ngày 03/9/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H1 có quyền thăm nom, con chung. Việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Án phí: Chị Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chuyển số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số: 0003479 ngày 21/11 /2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí cho chị H.

Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Những người tham gia tố tụng
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA